

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1562**/UBND-NN

Triệu Sơn, ngày **18** tháng 7 năm 2017

V/v hướng dẫn thực hiện hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017.

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND các xã: Bình Sơn, Thọ Bình, Triệu Thành, Thọ Sơn;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thực hiện Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017; Công văn số 1974/HD-SNN&PTNT ngày 07/7/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Chủ tịch UBND các xã: Bình Sơn, Thọ Bình, Triệu Thành, Thọ Sơn khẩn trương lựa chọn các mô hình phát triển sản xuất phù hợp quy hoạch sản xuất nông nghiệp, mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho các đối tượng thuộc xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo đúng hướng dẫn số 1974/HD-SNN&PTNT ngày 07/7/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

(Có bản phô tô gửi kèm)

- Giao phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp các phòng liên quan, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, các xã lựa chọn mô hình thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo đúng quy định, phù hợp thực tế của địa phương, trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt xong trước ngày 31/8/2017.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Dương

Số: ~~1974~~/HD-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 7 năm 2017

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017

Căn cứ Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTEXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Công văn số 1355/BNN-KTHT ngày 14/2/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 8/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “Phát triển cây trồng, vật nuôi có lợi thế phát triển trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”; Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020”; Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 như sau:

I. Đối tượng và phạm vi thực hiện

1. Đối tượng hỗ trợ

Hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, nhóm hộ, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ (trong đó tỷ lệ hộ không nghèo tham gia nhóm hộ, tổ, nhóm hợp tác tối đa là 30%).

2. Phạm vi thực hiện

- Chương trình 30a:

+ Tại địa bàn 7 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a, trừ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Bãi Trành và Xuân Quỳnh, huyện Như Xuân; xã Ngọc Phụng và Xuân Dương, huyện Thường Xuân; xã Điền Lư, huyện Bá Thước; xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa).

+ Tại 30 xã bãi ngang ven biển theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Chương trình 135:

+ Tại 165/181 thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

+ Tại 100 xã theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

- Các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Hỗ trợ cho các hộ cận nghèo bằng 80% kinh phí hỗ trợ cho hộ nghèo của chương trình này; áp dụng nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều 7, Thông tư 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

II. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Công tác chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng

Trên cơ sở nguồn vốn hỗ trợ khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng năm 2017 được UBND tỉnh giao kế hoạch, UBND các huyện, các Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cơ sở chủ động và khẩn trương tổ chức lập hồ sơ khoán, bảo vệ rừng và dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện nghiêm các quy định tại các Thông tư Liên tịch: Số 80/2013/ITLT-BTC- BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Liên bộ Tài chính - Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ rừng; số 93/2016/ TLT-

BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Liên bộ Tài chính - Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

Các chủ dự án tổ chức giao khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng cho toàn bộ diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP. Đối với các hộ gia đình dân tộc thiểu số và hộ gia đình đồng bào Kinh nghèo được hưởng chính sách theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, đối với các hộ nhận khoán còn lại được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

- Nguồn vốn hỗ trợ bảo vệ rừng: Từ Chương trình MTQG giảm nghèo 2017 và các nguồn vốn khác để thực hiện bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo theo các yêu cầu đã được quy định.

2. Công tác tiêm phòng gia súc tại các huyện 30a

Yêu cầu Chi cục Thú y phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Bá Thước, Như Xuân, Thường Xuân, Lang Chánh chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin được hỗ trợ theo đúng mục tiêu, nội dung Chương trình 30a của Chính phủ. Chỉ đạo các Trạm thú y tiếp nhận số lượng vắc xin đã được phân bổ theo đúng chủng loại; bảo quản và sử dụng các loại vắc xin có hiệu quả theo đúng quy định và hướng dẫn đồng thời chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng số lượng vắc xin được hỗ trợ nêu trên; thực hiện đầy đủ các thủ tục, chứng từ để thanh, quyết toán đúng quy định.

Đề nghị UBND các huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2017 theo đúng nội dung chương trình Nghị quyết 30a của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh; bổ sung thêm kinh phí từ ngân sách địa phương để tổ chức tiêm phòng bao gồm: kinh phí vận chuyển và bảo quản vắc xin; kinh phí trả công tiêm phòng; kinh phí mua vật tư, dụng cụ thực hiện công tác tiêm phòng theo đúng quy định.

3. Đối với các mô hình phát triển sản xuất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, yêu cầu các Chủ đầu tư khẩn trương thực hiện các quy trình, thủ tục nhằm triển khai công việc đảm bảo tính thời vụ trong sản xuất cũng như hiệu quả sử dụng vốn nhà nước; huy động tốt các nguồn vốn đối ứng khác, đặc biệt vốn tự có của dân để nâng cao tính trách nhiệm, sáng tạo của các đối tượng khi được tham gia mô hình; phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trạm Khuyến nông, Trạm Thú y, các tổ chức có liên quan khác và chính quyền sở tại triển khai thực hiện xây dựng các mô hình phát triển sản xuất, thực hiện chuyển giao KHKT và áp dụng tiến bộ công nghệ mới vào sản xuất; nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất thành công trên địa bàn để phát triển kinh tế của địa phương.

4. Các dự án, mô hình do huyện, xã chỉ đạo thực hiện

4.1. Nội dung hỗ trợ:

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; căn cứ quy hoạch phát triển nông thôn mới, định hướng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân, các địa phương lựa chọn nội dung phù hợp, thiết thực gắn với thị trường để thực hiện xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; không đầu tư giàn trải, hỗ trợ giống cây trồng, phân bón phải gắn với mô hình, dự án cụ thể.

- Đối với miền núi, tập trung ưu tiên các nội dung sau:

+ Hỗ trợ mua giống trâu, bò, dê cái sinh sản; ưu tiên mua con giống ngoài huyện để tăng tổng đàn.

Tiêu chuẩn chất lượng đối với một số con giống: trâu cái sinh sản có tuổi từ 18 - 48 tháng và trọng lượng tối thiểu đạt 150kg/con; bò cái sinh sản có tuổi từ 12 - 36 tháng và trọng lượng tối thiểu đạt 120kg/con; dê cái sinh sản có trọng lượng tối thiểu 12kg/con.

+ Hỗ trợ mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch phù hợp với yêu cầu thực tế tại địa phương.

+ Phát triển một số loại cây trồng, con nuôi đặc sản có lợi thế phát triển trên địa bàn miền núi, bao gồm: quế, khoai mán, nếp hạt cau, nếp hoa vàng, nếp nương, thanh long, đào cảnh, cây dược liệu; dê, lợn cỏ (lợn mán), lợn lòi lai, gà đồi, vịt Cổ Lũng và vịt bầu cổ xanh theo Quyết định số 4438/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển cây trồng, vật nuôi có lợi thế phát triển trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”.

+ Lựa chọn bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống của địa phương kết hợp nâng cao thu nhập cho người dân theo Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020”.

+ Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế khác.

- Đối với các xã bãi ngang ven biển và xã đảo: Ưu tiên tập trung cho các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.

4.2. Mức hỗ trợ:

- Đối với Chương trình 30a: Thực hiện theo Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 8/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo Quyết định 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với Chương trình 135: Thực hiện theo Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4.3. Cơ chế quản lý vốn:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

4.4. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án:

4.4.1. Xây dựng dự án:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã:

Tổng hợp danh sách các hộ, nhóm hộ đăng ký tham gia dự án, xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, lập hồ sơ trình UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt.

b) Trường thôn, bản:

- Phổ biến chủ trương của xã về dự kiến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và phát đơn cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ khác có nhu cầu tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để đăng ký;

- Căn cứ đơn đăng ký của các hộ, nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, Trường thôn, bản tổ chức họp thôn, bản bình xét hộ, nhóm hộ tham gia dự án và lập danh sách hộ, nhóm hộ gửi về UBND cấp xã.

4.4.2. Thẩm định, phê duyệt dự án:

a) Thành phần hồ sơ: UBND cấp xã gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Hồ sơ gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án;
- Đơn đăng ký của các hộ tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 01);
- Biên bản họp thôn, bản (Phụ lục 02);
- Danh sách hộ, nhóm hộ đăng ký dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 03);
- Thuyết minh dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 04).

b) Trình tự thực hiện:

- UBND cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tiếp nhận hồ sơ và trả giấy biên nhận hồ sơ cho UBND cấp xã (trường hợp nộp trực tiếp). Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trả lời bằng văn bản về tính hợp lệ của hồ sơ để tiến hành thẩm định hoặc không thẩm định;

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định các nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ;

- Sau khi có kết quả thẩm định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và trả kết quả về UBND cấp xã trong 2 (hai) ngày làm việc.

4.4.3. Triển khai dự án:

Trên cơ sở dự án được phê duyệt, UBND cấp xã thực hiện các bước sau:

- Thông báo cho người dân về nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; chế độ chính sách hỗ trợ; danh sách hộ, nhóm hộ tham gia dự án;

- Tổ chức thực hiện dự án theo nội dung được phê duyệt;

- Cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án;

- Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện dự án.

III. Chế độ thông tin báo cáo

1. Thời gian báo cáo

- Các xã thực hiện chế độ báo cáo về UBND huyện theo định kỳ 9 tháng vào ngày 15/9; cả năm vào ngày 10/12.

- Các huyện thực hiện chế độ báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ 9 tháng vào ngày 20/9; cả năm vào ngày 15/12.

- Các chủ đầu tư khác báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ 9 tháng vào ngày 20/9; cả năm vào ngày 15/12.

Ngoài ra các đơn vị, địa phương thực hiện các báo cáo khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

2. Biểu mẫu báo cáo

Báo cáo theo Phụ lục 05.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu cho UBND huyện triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017. Cung cấp cho các xã những văn bản của nhà nước liên quan đến chương trình; phân bổ kinh phí kịp thời, đảm bảo đúng chính sách, phù hợp với thực tế của địa phương; chỉ đạo các xã lựa chọn mô hình, trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt xong trước ngày 31/8/2017; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã thực hiện dự án; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt quyết toán theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho UBND huyện thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, cụ thể như sau:

- Định hướng cho các xã lựa chọn các mô hình phát triển sản xuất căn cứ vào quy hoạch sản xuất nông nghiệp, mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương cũng như lượng vốn được phân bổ, khả năng đối ứng của người dân.

- Chủ trì thẩm định các mô hình, dự án, làm căn cứ trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt;

- Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư nhằm thực hiện đúng quy định, đạt hiệu quả cao

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

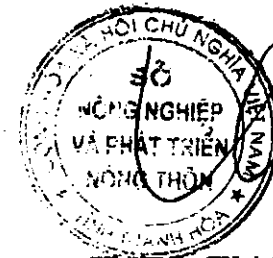
Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của dự án phát triển sản xuất trên địa bàn, kết quả và hiệu quả sử dụng vốn; xây dựng và lập kế hoạch hằng năm trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt; tổ chức chỉ đạo lực lượng khuyến nông viên thôn bản (đối với 7 huyện 30a) tham gia hỗ trợ về mặt kỹ thuật, triển khai thực hiện các nội dung dự án đến hộ, nhóm hộ; kiểm tra việc thực hiện dự án và định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án với UBND huyện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để kịp thời sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- UBND các huyện thuộc Chương trình 30a, 135;
- UBND các huyện, tp có xã bãi ngang, xã đảo;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các sở: LĐ-TB và XH; Tài chính;
- Ban Dân tộc;
- Các chủ đầu tư cấp tỉnh;
- Lưu: VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Yến

Chú hộ đăng ký
(kỳ tên)

- Theo dự kiến dự án phát triển sản xuất của xã, gia đình tôi cam kết có đủ nguồn lực (đất đai, nhân công, chuồng trại.v.v.) để thực hiện các hoạt động nội trên đồng thời thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án.
Hộ chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các điều đã cam kết nêu trên; nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Giồng cây trồng	cây		
2	Giồng vật nuôi	con		
3	Phần bón	kg		
4	Máy móc, thiết bị			
5			

2. Nội dung đăng ký tham gia dự án

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Diện tích đất (hoặc chuồng trại, ao) để tham gia dự án	m ²		
2	Lao động trong độ tuổi	người		
3	Điều kiện khác			

1. Điều kiện sản xuất của hộ gia đình

Địa chỉ: (thôn, xã, huyện)

Họ tên chủ hộ:

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN HỒ TRÓ PHẬT TRIỂN SẢN XUẤT

(Tên thôn), ngày tháng năm

UBND xã Thôn
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01
ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN HỒ TRÓ PHẬT TRIỂN SẢN XUẤT
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: 1974/HD-SNNPTNT ngày 07/7/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đại diện hộ dân
(ky, họ tên)

Thư ký
(ky, họ tên)

Chủ trì (Trưởng thôn)
(ky, họ tên)

thông nhất nội dung biên bản./.

- Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã
 - Phương thức tổ chức thực hiện dự án.....
 - Nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đề nghị chỉnh sửa, bổ sung.....
 - Danh sách các hộ, nhóm hộ được lựa chọn tham gia dự án.....
- 2. Kết quả cuộc họp**
-
-
-

- Quyết định hộ, nhóm hộ tham gia dự án:
- Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án
- Phô biến chỉnh sách hỗ trợ phát triển sản xuất
- Phô biến dự kiến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của xã.

1. Nội dung cuộc họp

- + Số lượng hộ tham gia (có danh sách kèm theo).
 - + Đại diện các tổ chức, đoàn thể tham gia:.....
 - Thành phần tham gia:
 - Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).
 - Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).
 - Đã tổ chức họp đề: (nếu mục đích cuộc họp).
- Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn

BIÊN BẢN HỌP THÔN

(Tên thôn), ngày tháng năm

UBND xã
Thôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02
BIÊN BẢN HỌP THÔN
Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: 1974/HĐ-SNNPTNT ngày 07/7/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHỤ LỤC 03
DANH SÁCH HỘ THAM GIA DỰ ÁN HỒ TRỘ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
 (Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: 1974/HD-SNNPTNT ngày 07/7/2017
 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

UBND XÃ ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã), ngày tháng năm

**DANH SÁCH HỘ, NHÓM HỘ THAM GIA
 DỰ ÁN HỒ TRỘ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

Căn cứ vào Biên bản họp các thôn ... ngày ... tháng ... năm..... về lựa
 chọn danh sách hộ, nhóm hộ tham gia và nội dung thực hiện dự án hồ trộ phát
 triển sản xuất năm 20...;

Căn cứ nhu cầu của các hộ, nhóm hộ tham gia thực hiện dự án;

Danh sách các hộ, nhóm hộ đăng ký tham gia dự án và nhận hồ trộ như

sau:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất SX	Lao động	Đang ký hồ trộ			Ghi chú
					Giồng cấy trồng	Giồng vật nuôi	Phân bón	

Tổng số hộ tham gia:.....
 Tổng số nhóm hộ tham gia (nếu có):.....
 Tổng số tiền để nghị dự án hồ trộ :.....đồng (bằng chữ.....)
 Tổng số tiền người dân đóng góp:.....đồng (bằng chữ.....)
 Đồng ý.....
 Không đồng ý (thay đổi nếu có).....

Người lập
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
 (Chữ tích Ký tên đóng dấu)

							Tổng kinh phí
						
						
Thời gian thực hiện và các ghi chú khác	Dự án hỗ trợ	Thành phần	Đơn gia	Số lượng, khối lượng	Số hộ, nhóm tham gia	Tên hoạt động	TT

3. Các hoạt động của dự án (nếu dự án bao gồm nhiều năm thì mỗi năm làm 1 bảng và 1 bảng tổng hợp chung theo mẫu sau).

- Thời gian triển khai.
- Dự kiến đạt được.
- Các yêu cầu về kỹ thuật: Giải thích rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến các hoạt động dự án. Ví dụ: Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết hỗ trợ (tên, chủng loại, thông số kỹ thuật, số lượng hỗ trợ,...), quy trình kỹ thuật áp dụng.v.v.
- Địa điểm triển khai: (thôn, bản).
- Tóm tắt nội dung dự án (loại hình sản xuất, quy mô, tổng số hộ, nhóm hộ tham gia.v.v.).

2. Nội dung dự án

- Thu nhập tăng của các hộ nghèo tham gia dự án.
- Số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án.
- Phát triển sản xuất để tạo việc làm, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu nhập từ sản xuất.

1. Mục tiêu dự án

THUYẾT MINH DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

(Tên xd), ngày tháng năm

UBND XÃ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04
THUYẾT MINH DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 (Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: 1974/HĐ-SNNPTNT ngày 07/7/2017)

Ngày tháng năm 20...
TM. UBND XÃ...
CHỦ TỊCH
(Ký và đóng dấu)

4. Tổ chức thực hiện dự án
- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện.
 - Trách nhiệm của các hộ tham gia dự án.
 - Trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng thôn, bản và cán bộ tham gia thực hiện dự án.
5. Kiểm tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện dự án
- Nêu rõ nội dung hình thức kiểm tra, đánh giá thực hiện dự án.
 - Phân công tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện dự án.

PHỤ LỤC 05
BIỂU BAO CẢO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỒ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
 (ÁP DỤNG CHO BẢO CẢO CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN)
 (Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: 1974/HD-SNNPTNT ngày 07/7/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BON VI.....
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

KẾT QUẢ THỰC HIỆN (6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM...)
DỰ ÁN HỒ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN

1. Tình hình và kết quả thực hiện dự án hồ trợ phát triển sản xuất:

2. Kết quả thực hiện hồ trợ phát triển sản xuất:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch				Thực hiện	
			Khối lượng (tr.d)	Số hộ	Khối lượng (tr.d)	Số hộ	Số hộ	Số hộ
	TỔNG SỐ							
I	Hồ trợ giống, vật tư							
I	Cây trồng							
2	Vật nuôi							
3	Vật tư chủ yếu							
II	Xây dựng mô hình							
III	Tập huấn, đào tạo							
IV	Hồ trợ máy, thiết bị							

Tổng số hộ, nhóm hộ tham gia:.....

Giá trị khối lượng đã hoàn thành:..... đồng. Bảng chú:.....

Tổng số tiền đã giải ngân:..... đồng. Bảng chú:.....

3. Đánh giá kết quả thực hiện dự án:

- Đánh giá thực hiện mục tiêu của dự án hồ trợ phát triển sản xuất.

- Đánh giá về phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập, giảm nghèo.

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thu trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)